

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

III. THỦ TỤC TẶNG GIẤY KHEN CỦA CHỦ TỊCH UBND CẤP HUYỆN VỀ THÀNH TÍCH THEO ĐỢT, CHUYÊN ĐỀ

1. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

[illegible]

3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
		Hoạt động 1							0	0	
		Hoạt động n							0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	32.386	0	0	1	20	32386	647.720	
		Bưu điện									
		Internet									
		Khác									
TỔNG									638.527	78.214.820	

2. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢN HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thành phần HS 1: Tờ trình đề nghị khen thưởng;	Soạn thảo văn bản	1,5	32.386	0	0	1	20	49.579	991.580	
		Duyệt văn bản	0,5	32.386	0	0	1	20	16.193	323.860	
		Ban hành văn bản	0,5	32.386	0	0	1	20	16.193	323.860	
1.2	Thành phần HS 2: Danh sách đề nghị khen thưởng kèm nội dung tóm tắt thành tích của các tập thể được đề xuất	Lập danh sách	5	32.386	0	0	1	20	162.930	3.258.600	
1.3	Thành phần HS 3: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng	Tổ chức họp	4	32.386	0	0	1	20	129.544	2.590.880	
		Lập biên bản cuộc họp	3	32.386	0	0	1	20	98.158	1.963.160	

2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	32.386	0	0	1	20	32.386	647.720	
		Bưu điện							0	0	
		Internet							0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3.1	Phí								0	0	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
		Hoạt động 1							0	0	
		Hoạt động n							0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	32.386	0	0	1	20	32.386	647.720	
		Bưu điện									
		Internet									
		Khác									
TỔNG									537.369	10.747.380	

3. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí hiện tại

78.214.820

Chi phí sau đơn giản hóa

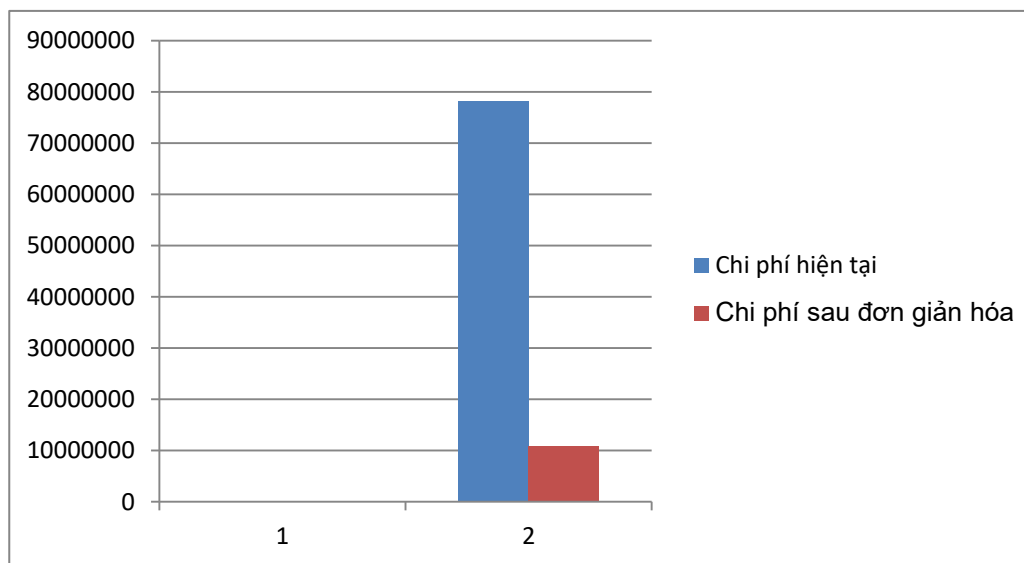
10.747.380

Chi phí tiết kiệm được

67.467.440

Tỷ lệ chi phí cắt giảm

86,2591514



h